

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN: LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

A. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

PHẦN 1: LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI

CHƯƠNG 1: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CHIẾM HỮU NÔ LỆ

- Nhà nước chiếm hữu nô lệ phương Đông

Các nội dung cần nắm vững:

• Các yếu tố dẫn đến sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ phương Đông (yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội và các yếu tố thúc đẩy như trị thủy, thủy lợi và chiến tranh).

• So sánh sự hình thành nhà nước phương Đông cổ đại với học thuyết Mác về nguồn gốc ra đời nhà nước.

• Lý giải tại sao nhà nước phương Đông cổ đại hình thành sớm.

• Một số đặc trưng về tổ chức nhà nước Chiếm hữu nô lệ phương Đông (Tổ chức đơn giản, hình thức chính thể là quân chủ tuyệt đối, nhà nước mang nặng tính giai cấp...).

- Pháp luật phương Đông cổ đại

Các nội dung cần nắm vững:

• Lý giải về tính chất “hình sự hóa” của pháp luật phương Đông cổ đại.

• Lý giải về tính giai cấp của pháp luật phương Đông cổ đại.

• Đặc trưng về tính “trọng hình khinh dân” của pháp luật phương Đông cổ đại.

• Đặc trưng về tính “đồng thái phục thù” của pháp luật phương Đông cổ đại.

- Nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ phương Tây

Các nội dung cần nắm vững:

- Các yếu tố dẫn đến sự hình thành nhà nước Chiếm hữu nô lệ phương Tây (yếu tố về kinh tế, yếu tố về xã hội).
- So sánh sự hình thành nhà nước phương Tây cổ đại với học thuyết của Mác về nguồn gốc ra đời nhà nước.
- Lý giải tại sao nhà nước Chiếm hữu nô lệ phương Tây hình thành muộn hơn so với nhà nước Chiếm hữu nô lệ phương Đông.
- Các đặc trưng cơ bản của pháp luật Chiếm hữu nô lệ phương Tây.

CHƯƠNG 2: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KỲ PHONG KIẾN

- Nhà nước và pháp luật phong kiến Tây Âu

Các nội dung cần nắm vững:

- Các yếu tố dẫn đến sự hình thành nhà nước phong kiến Tây Âu, gồm:
 - Yếu tố chủ quan: sự lỗi thời của phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ; sự ra đời của phương thức sản xuất phong kiến.
 - Yếu tố khách quan: chiến tranh xâm lược từ bên ngoài của người Giécmanh.
- Một số đặc trưng cơ bản của pháp luật phong kiến Tây Âu.

- Nhà nước và pháp luật phong kiến phương Đông

Các nội dung cần nắm vững:

- Các yếu tố dẫn đến sự hình thành nhà nước phong kiến phương Đông ở một số quốc gia điển hình.
- Một số đặc trưng về pháp luật phong kiến phương Đông.

CHƯƠNG 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TƯ SẢN

Các nội dung cần nắm vững:

- Các yếu tố dẫn đến sự hình thành nhà nước tư sản trên thế giới: sự lỗi thời của phương thức sản xuất phong kiến; sự xuất hiện của phương thức sản xuất tư sản; các luồng tư tưởng dân chủ xuất hiện; sự bùng nổ và thành công của các cuộc CM tư sản.
- Sự xuất hiện của mô hình chính thể quân chủ hạn chế ở Anh.

PHẦN 2: LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

CHƯƠNG 1: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

Các nội dung cần nắm vững:

- Các yếu tố tác động đến sự hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam: (Yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội và các yếu tố thúc đẩy nhà nước hình thành sớm: yếu tố trị thủy, thủy lợi và chiến tranh).
- Nắm rõ sự giống và khác về con đường hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam so với học thuyết của Mác về nguồn gốc ra đời nhà nước.

CHƯƠNG 2: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI KỲ BẮC THUỘC (179 TCN ĐẾN 938)

Các nội dung cần nắm vững:

- Đặc trưng tổ chức chính quyền giai đoạn đầu thời Bắc thuộc (từ 179 TCN đến năm 39):
 - Tính đơn giản của tổ chức chính quyền;
 - Tính chất lỏng lẻo, mềm dẻo trong chính sách cai trị;
 - Sử dụng chính sách “dùng người Việt trị người Việt”.
- Đặc trưng tổ chức chính quyền giai đoạn từ sau năm 43:
 - Tổ chức chính quyền hoàn thiện hơn;
 - Chính sách quản lý chặt chẽ, sâu sát hơn.
 - Chính sách: “dùng người Hán trị người Việt” và “chia để trị”.
- So sánh tổ chức chính quyền đô hộ trên phần lãnh thổ Việt Nam ở giai đoạn đầu và giai đoạn từ sau năm 43.

CHƯƠNG 3: NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN (TỪ 939 ĐẾN 1884)

Các nội dung cần nắm vững:

- **Đặc trưng của tổ chức nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (từ 939 đến 1009)**
 - Nhà nước tổ chức đơn giản, sơ khai.
 - Nhà nước mang nặng tính hành chính, quân sự.

- Hình thức chính thể là quân chủ tuyệt đối.
- **Đặc trưng của tổ chức nhà nước thời Lý – Trần – Hồ (từ 1010 đến 1407)**
 - Tổ chức bộ máy nhà nước hoàn thiện hơn.
 - Cách thức tổ chức mang nặng tính “quý tộc thân vương” vào thời Lý – Trần.
 - Xuất hiện mô hình “lưỡng đầu chế” vào thời Trần – Hồ.
- **Đặc trưng của tổ chức nhà nước giai đoạn trước cải cách của vua Lê Thánh Tông (1428 – 1460)**
 - Tổ chức nhà nước cơ bản kế thừa mô hình nhà nước giai đoạn trước (thời Trần).
 - Tính quý tộc thân vương vẫn còn tồn tại.
 - Tổ chức nhà nước mang tính hành chính – quân sự.
- **Đặc trưng của tổ chức nhà nước giai đoạn từ sau cải cách của vua Lê Thánh Tông (1460 – 1527)**

Tập trung vào cải cách của vua Lê Thánh Tông đối với các cơ quan then chốt của nhà nước ở trung ương, gồm:

- Các quan đại thần;
- Các cơ quan văn phòng;
- Các bộ;
- Các cơ quan tư pháp – giám sát.
- Một số cơ quan chuyên môn khác.
- **Đặc trưng của tổ chức nhà nước thời Nguyễn (1802 – 1884)**
 - Chế độ quân chủ đạt đến mức độ chuyên chế nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.
 - Hoàng đế đạt đến mức độ “độc tôn đế quyền”.

CHƯƠNG 4: PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN GIAI ĐOẠN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ (939 ĐẾN 1884)

Các nội dung trọng tâm cần nắm vững :

- **Nguyên tắc của pháp luật hình sự nhà Lê sơ:**

- Nội dung các nguyên tắc:
 - Nguyên tắc vô luật bất hình;
 - Nguyên tắc chiếu cố (bao gồm: chiếu cố theo địa vị xã hội và chiếu cố theo tuổi tác, người tàn tật, người phụ nữ mang thai, nuôi con còn nhỏ).
 - Nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự tập thể trong một số trường hợp.
- Lý giải về tính giai cấp của các nguyên tắc.
- Lý giải về tính xã hội của các nguyên tắc.

- **Tội phạm của pháp luật hình sự nhà Lê sơ**

- Nắm rõ các dấu hiệu của tội phạm trong pháp luật hình sự nhà Lê sơ.
- Tội thập ác: nắm rõ về nội dung, tính giai cấp và tính chịu ảnh hưởng sâu sắc của học thuyết Nho giáo đối với nhóm tội này.

- **Hình phạt của pháp luật hình sự nhà Lê sơ :**

- Nắm rõ đặc điểm có hình phạt như:
 - Tính phổ biến của hình phạt;
 - Tính dã man của hình phạt;
- Nội dung của hình phạt Ngũ hình trong pháp luật nhà Lê sơ.

- **Về pháp luật dân sự nhà Lê sơ :**

- Hiểu và phân tích được phương pháp bình đẳng – thỏa thuận của pháp luật dân sự nhà Lê sơ thông qua quy định về pháp luật khế ước - hợp đồng.
- Các điều kiện của khế ước, hợp đồng của pháp luật dân sự nhà Lê sơ.

B. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

Sinh viên được sử dụng tài liệu khi làm bài thi.

Sinh viên nên tập trung sử dụng các tài liệu như Tập bài giảng (bao gồm 2 cuốn: Tập bài giảng Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới; Tập bài giảng Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam) và một số văn bản quy phạm pháp luật như: Quốc triều hình luật, Bộ luật Hamurabi...

1. Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

Đề thi bao gồm 2 phần (phần nhận định và phần tự luận) với 3 câu, được bố trí cụ thể như sau:

- *Phần nhận định*: Tương ứng với **câu 1** của đề thi (phần này gồm 2 câu nhận định đúng hay sai và giải thích tại sao). Tổng số điểm câu 1 là: *2 điểm*.

- *Phần tự luận*, gồm 2 câu, cụ thể:

1 câu của phần Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam (tương ứng với **câu 2** của đề thi). Tổng số điểm câu này là: *4 điểm*.

1 câu của phần Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới (tương ứng với **câu 3** của đề thi). Tổng số điểm là câu này là: *4 điểm*.

2. Hướng dẫn cách làm bài thi:

2.1. Cách làm bài phần nhận định đúng, sai và giải thích (câu 1 của đề thi)

- Sinh viên phải trả lời câu nhận định là đúng hoặc sai, rồi sau đó mới được giải thích.
- Nếu sinh viên chỉ trả lời đúng hoặc sai, không kèm giải thích vì sao, mà câu trả lời đó là đúng thì được $\frac{1}{4}$ điểm tức (0, 25 điểm).
- Nếu sinh viên không trả lời câu hỏi đó là đúng hay sai mà chỉ giải thích theo ý của câu hỏi nhận định thì sẽ không được chấm điểm.

2.2. Cách làm bài phần tự luận (câu 2 và câu 3 của đề thi)

- Phải đọc thật kỹ câu hỏi để làm theo đúng yêu cầu, cần chú ý các dạng câu hỏi của đề để có cách làm bài tương thích (các dạng phổ biến của câu hỏi tự luận là (1) phân tích, (2) giải thích (lý giải), (3) chứng minh, hay (4) so sánh.
- Chú ý thật kỹ về nội hàm của câu hỏi để tránh nhầm lẫn khi làm bài, cụ thể như sau:

Câu 2 chỉ hỏi về phần Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam và nội dung của câu hỏi hoặc là về nhà nước hoặc là về pháp luật (chứ không bao giờ bao hàm 2 nội dung nhà nước và pháp luật trong một câu).

Câu 3 chỉ hỏi về phần Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới và nội dung của câu hỏi hoặc là về nhà nước hoặc là về pháp luật (chứ không bao giờ bao hàm 2 nội dung nhà nước và pháp luật trong một câu).

- Làm bài phù hợp theo yêu cầu, không làm thiếu và cũng không làm thừa (làm thiếu sẽ bị trừ điểm; làm thừa sẽ không được chấm điểm và có thể bị trừ điểm (vì làm thừa có nghĩa là sinh viên không hiểu đề).

C. ĐỀ THI MẪU

NỘI DUNG ĐỀ THI

Câu 1: Những câu nhận định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao? (2 điểm)

a. Lương đầu chế là mô hình chính trị đặc sắc của Nhà nước thời Trần – Hồ.

b. Năng hành chính – quân sự là đặc trưng cơ bản của Nhà nước giai đoạn Ngô – Đinh – Tiền lê.

Câu 2: (4 điểm)

Hãy phân tích nhận định sau: Tuy mang nặng tính giai cấp nhưng pháp luật hình sự thời Lê sơ vẫn thể hiện tính xã hội.

Câu 3: (4 điểm)

Nhà nước phương Tây cổ đại (Hy Lạp, La Mã) hình thành là kết quả trực tiếp của cuộc đấu tranh giai cấp. Hãy lý giải tại sao và chứng minh.

- Hết -